

Lí luận về các tiếp cận trong dạy học ngoại ngữ

Nguyễn Đình Như Hà*¹, Nguyễn Lộc²,
Trần Tuyền³

* Tác giả liên hệ

¹ Email: handn.ncs@hcmute.edu.vn

² Email: dr.nguyenloc@gmail.com

³ Email: ttuyenqp@gmail.com

Viện Sư phạm Kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật
Thành phố Hồ Chí Minh
484 Lê Văn Việt, Tầng Nhon Phú A, thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TÓM TẮT: Việc dạy học ngoại ngữ ở bậc Đại học, Cao đẳng đòi hỏi giảng viên phải chú trọng nhiều về việc nắm vững các lí thuyết và phương pháp dạy học. Điều quan trọng là cần nắm rõ bản chất của các tiếp cận trong hoạt động dạy và học ngoại ngữ. Từ đó, các giảng viên sẽ triển khai hoạt động học tập và hỗ trợ người học dễ dàng hơn. Trong bài viết này, nhóm tác giả trình bày các khái niệm về tiếp cận trong hoạt động dạy học ngoại ngữ. Phần tiếp theo sẽ trình bày các lí thuyết về tiếp cận nhằm mục đích chỉ rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của tiếp cận trong việc dạy và học ngoại ngữ. Bên cạnh đó, một số đề xuất cho đội ngũ giảng viên dạy học ngoại ngữ và các hướng nghiên cứu về tiếp cận trong dạy học ngoại ngữ cũng được trình bày trong bài viết.

TỪ KHÓA: Tiếp cận, dạy học ngoại ngữ, lí thuyết học tập, giáo dục đại học.

→ Nhận bài 20/5/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 09/6/2023 → Duyệt đăng 20/8/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12320101>

1. Đặt vấn đề

Ngoại ngữ có vai trò và vị trí quan trọng trong sự nghiệp giáo dục đào tạo và sự phát triển của đất nước. Nói chung, việc biết ngoại ngữ là yêu cầu tất yếu của lao động có kĩ thuật cao nhằm đáp ứng các quy trình công nghệ thường xuyên được đổi mới. Trong thời gian tới, những tri thức của nhân loại sẽ đa dạng và phong phú hơn nữa. Song song với đó, việc am hiểu một ngoại ngữ sẽ là nền tảng giúp mỗi cá nhân tiếp cận kiến thức đa dạng một cách dễ dàng hơn.

Trong hệ thống kiến thức, ngoại ngữ có một vị trí hết sức quan trọng. Ngoại ngữ không chỉ là công cụ hữu hiệu trong tay người lao động trong việc khai thác thông tin, tiếp thu thành tựu khoa học kĩ thuật cao và học hỏi kinh nghiệm của các nước trên thế giới về lĩnh vực chuyên ngành của mình mà còn là một phương tiện hữu ích trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần của con người.

Khoản 2, Điều 7 Luật Giáo dục 2019 quy định: “Phương pháp giáo dục phải khoa học, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học và hợp tác, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên”. Mục tiêu của giáo dục đại học là đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trình độ cao đáp ứng với mọi yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, phải đào tạo được đội ngũ nguồn nhân lực có kĩ năng và kĩ xảo nghề nghiệp vững chắc đủ thích nghi với những thay đổi của khoa học và công nghệ. Điều này được đề cập và nhấn mạnh trong chiến lược giáo dục 2009 - 2020: “Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế, thích ứng với nền kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển giáo dục gắn liền với phát triển khoa học và công nghệ, tập trung vào nâng cao chất lượng, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kĩ năng thực hành để một mặt đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đảm bảo an ninh quốc phòng; mặt khác, phải chú trọng thỏa mãn nhu cầu phát triển của mỗi người học, những người có năng khiếu được phát triển tài năng”. Trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay, mỗi người làm công tác giáo dục cần chú trọng đến việc giúp người học phát triển năng lực làm chủ cá nhân và thích ứng với mọi biến đổi không ngừng của các vấn đề trong xã hội. Đặc biệt, với tầm quan trọng của ngoại ngữ trong thời kì hội nhập quốc tế, những người làm công tác giáo dục cần phải luôn cập nhật, thay đổi và đa dạng hóa những phương pháp dạy học để giúp người học nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ trong cuộc sống thường nhật.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, nhóm tác giả đã sử dụng số phương pháp nghiên cứu lí luận như: phân tích và tổng hợp các lí thuyết về phương pháp dạy học ngoại ngữ, hệ thống hóa các lí luận từ các công trình nghiên cứu có liên quan đến các tiếp cận trong dạy học ngoại ngữ. Việc lựa chọn và trình bày các tài liệu liên quan được dựa trên các tiêu chí như sau: 1) Là các nghiên cứu về lí luận và thực tiễn của việc áp dụng các tiếp cận trong dạy học ngoại ngữ; 2) Là các công trình khoa học về các tiếp cận trong dạy học ngoại ngữ đã được công bố từ các tạp chí uy tín; 3) Là các công trình và bài viết

đã được công bố trong các hội thảo có uy tín về dạy và học ngoại ngữ.

2.2. Một số khái niệm cơ bản

a. Tiếp cận

Theo Từ điển tiếng Việt (2003): “*Tiếp cận là từng bước hiểu một vấn đề nào đó trong một lĩnh vực cụ thể trong hoạt động sống hàng ngày* [1, tr.987]. Đề cập đến hoạt động dạy học ngôn ngữ, Anthony, E. M. (1963) cho rằng, tiếp cận là một tập hợp các giả định liên quan đến bản chất dạy và học ngôn ngữ [2]. Tiếp cận được xem như là tiền đề của hoạt động dạy và học. Ngoài ra, nó mô tả bản chất của vấn đề và nội dung học tập mà giáo viên sẽ giảng dạy. Tiếp cận được xem như là một triết lý hoặc một niềm tin liên quan đến vấn đề cần được xem xét và giải quyết. Nó là một loạt các quan điểm có chủ đích của cá nhân mà liên quan đến lĩnh vực của họ [3].

Richards, J. C. & Rodgers, T. S. (1986) quan niệm rằng, tiếp cận đề cập đến các giả định về việc ngôn ngữ là gì và như thế nào để học một ngôn ngữ [4]. Hiểu theo một cách khác, tiếp cận mô tả bản chất của ngôn ngữ, cách thức học một ngôn ngữ và các điều kiện cần thiết để khuyến khích việc học ngôn ngữ. Theo định nghĩa của Cambridge, tiếp cận được hiểu là tiến gần đến điều gì đó hoặc giải quyết một vấn đề nào đó. Khi được xem như là một danh từ, tiếp cận là cách thức để xem xét và giải quyết một vấn đề. Richards, J. C. & Rodgers, T. S. (2001) cũng cho rằng, mục đích của tiếp cận là nhấn mạnh việc tạo cơ hội cho người học được thực hành ngôn ngữ đích trong bối cảnh thực tế của bản thân [5]. Vai trò của giảng viên là đảm bảo được sự đa dạng các hoạt động học tập phù hợp để thúc đẩy việc học ngôn ngữ đích của sinh viên.

b. Ngoại ngữ

Ngoại ngữ được hiểu là ngôn từ nước ngoài được sử dụng như là một ngôn ngữ thứ hai tại một quốc gia bất kỳ. Ở Việt Nam, các ngoại ngữ phổ biến và được sử dụng nhiều nhất đó là: tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Hàn... Ngoại ngữ được giảng dạy tại hầu hết các cấp học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Ngoài ra, ngoại ngữ cũng là phương tiện giao tiếp tại các tổ chức doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

c. Dạy học ngoại ngữ

Hoạt động dạy học ngoại ngữ được hiểu là một quá trình tổ chức cho người học nắm vững ngoại ngữ để sử dụng trong hoạt động giao tiếp xã hội và nhận thức của mỗi cá nhân. Trong hệ thống giáo dục quốc dân, việc dạy học ngoại ngữ được các giáo viên thực hiện bằng nhiều phương pháp khác nhau, nhằm giúp người học hình thành các kĩ năng và kĩ xảo cần thiết để sử dụng ngoại ngữ một cách thành thạo nhất.

d. Tiếp cận trong dạy học ngoại ngữ

Tiếp cận trong dạy học ngoại ngữ được hiểu là các phương pháp dạy học ngoại ngữ mà giáo viên sử dụng

trong hoạt động dạy nhằm giúp người học lĩnh hội các kiến thức ngoại ngữ cần thiết. Mỗi giáo viên ngoại ngữ sẽ có những phương pháp dạy học ngoại ngữ riêng biệt phù hợp với đặc trưng của bài giảng, cấp học và trình độ của người học.

2.3. Các lý thuyết về tiếp cận dạy học

2.3.1. Tiếp cận hành vi

Tiếp cận hành vi trong học tập dựa vào quan điểm cho rằng, người học phản ứng với những kích thích trong môi trường của họ. Do đó, vai trò của người hỗ trợ trong học tập (giáo viên) là cung cấp những kích thích bổ ích và thích hợp để người học phản ứng và đạt được những trải nghiệm và kiến thức nhất định.

Tiếp cận hành vi cho rằng, những hành vi thích hợp có thể được giảng dạy qua việc lặp đi, lặp lại liên tục các nhiệm vụ thông qua sự nhận xét và góp ý của giáo viên. Những nhận xét và góp ý tích cực làm cho việc học trở nên hiệu quả hơn. Năm 1927, Ivan Pavlov đã tiến hành một thí nghiệm nổi tiếng. Qua thí nghiệm của Pavlov, chúng ta thấy rằng, hành vi là kết quả của chuỗi các sự kiện được trải nghiệm, chứ không hẳn là quá trình suy nghĩ có ý thức. Pavlov gọi đó là điều kiện hóa cổ điển. Nó là một dạng thức học tập có sự ảnh hưởng lên thuyết hành vi trong tâm lý học. Điều kiện hóa cổ điển là một quá trình học tập xuất hiện qua hình thức liên tưởng giữa các tác nhân kích thích từ môi trường và một tác nhân xuất hiện tự nhiên. Loại điều kiện này có thể được dùng để phát triển các hành động lặp đi lặp lại trong quá trình huấn luyện.

Mối liên hệ giữa phản ứng - kích thích có thể được thực hiện hiệu quả hơn thông qua sự củng cố. Ý tưởng này là cơ sở cho lý thuyết được Skinner, B. F. (1975) phát triển sau này [6]. Sự củng cố có thể hoạt động theo chiều hướng tích cực và tiêu cực. Củng cố tích cực là bất cứ điều gì mà củng cố phản ứng mong muốn. Ví dụ, trong việc đào tạo, củng cố có thể thực hiện bằng việc khen ngợi bằng những lời nói, một điểm số tốt... Ngược lại, nếu hạn chế những lời khen ngợi hoặc không sử dụng, điều này có thể ảnh hưởng xấu đến việc học tập và làm giảm động lực học tập của người học. Cách tiếp cận này dựa trên quan điểm rằng, tất cả người học đều có nhu cầu học tập và kiến thức là như nhau. Vì vậy, giáo viên cần khai thác những củng cố bên ngoài để động viên và khuyến khích người học đạt được mục tiêu học tập mong đợi.

2.3.2. Tiếp cận nhận thức

Tiếp cận nhận thức quan tâm đến vai trò hoạt động của não bộ thông qua quá trình xử lý và phát triển hoạt động học tập. Đối với tiếp cận nhận thức, cả người dạy và người học đều tham vào quá trình giảng dạy và học tập như nhau. Tuy nhiên, người dạy là người lựa chọn phương pháp tốt nhất để truyền đạt kiến thức.

Dewey và Bloom là hai nhà lí thuyết nhận thức cổ điển nổi tiếng với những công trình nghiên cứu của mình. Dewey, J. (1938) tin rằng, học tập liên quan đến cách suy nghĩ [7]. Ông cho rằng, quá trình học không chỉ thực hiện nhiệm vụ mà đòi hỏi sự suy ngẫm và học hỏi từ các nhiệm vụ học tập. Đối với Dewey, mục đích của suy nghĩ là đạt được trạng thái cân bằng, cho phép một cá nhân giải quyết các vấn đề và chuẩn bị để tìm hiểu sâu hơn. Dewey bác bỏ các hình thức giáo dục truyền thống dựa trên việc củng cố thông tin mà học sinh có vai trò thụ động, cho rằng kiểu học này là hời hợt. Ông cho rằng, người học có vai trò tích cực trong quá trình học. Để việc học có thể diễn ra, nó phải có ý nghĩa đối với mỗi cá nhân và người học có cơ hội để trải nghiệm các thông tin. Bên cạnh đó, người học có khả năng rút ra những kinh nghiệm từ những trải nghiệm. Do đó, Dewey là một trong những người ủng hộ quan trọng nhất của học tập trải nghiệm. Ngoài ra, theo Dewey, giáo viên đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của quá trình học tập theo một cách gián tiếp như khuyến khích người học tương tác với tài liệu và phản ánh lại bài học cũng như tạo ra bầu không khí học tập phù hợp cho người học để cấu trúc việc học của riêng họ.

Bloom, B.S. (1956) coi việc học xảy ra trong cả hai mặt: “Lĩnh vực nhận thức” và “Lĩnh vực cảm xúc” [8]. Bloom cho rằng, việc học song song giữa lĩnh vực nhận thức và tình cảm diễn ra theo cách tích lũy tùy thuộc vào các mức độ khác nhau. Ngoài ra, mức độ mà người học sử dụng các lĩnh vực nhận thức và tình cảm sẽ phù thuộc từng cá nhân riêng biệt (xem Bảng 1).

Bảng 1: Các cặp “Lĩnh vực nhận thức” và “Lĩnh vực cảm xúc” của Bloom

Các lĩnh vực nhận thức	Các lĩnh vực cảm xúc
Biết	Tiếp nhận
Hiểu	Phản hồi
Vận dụng	Hình thành giá trị
Phân tích - tổng hợp	Khái niệm hóa
Đánh giá	Tổ chức và sắp xếp

2.3.3. Tiếp cận kiến tạo

Tiếp cận kiến tạo dựa cơ sở lí thuyết của Piaget về kiến tạo nhận thức. Theo Piaget, con người trong quá trình hiểu và khám phá thế giới, tự tạo ra các kiến thức và thế giới của họ. Chính vì vậy, giáo dục trong tiếp cận kiến tạo là tạo cho con người tự học và tự khai sáng.

Bản thân người học trong tư tưởng của Piaget không phải là một “thùng rỗng” để người dạy truyền đạt và rót vào những kiến thức vô tận. Người học vận dụng những kinh nghiệm hoặc những kiến thức vốn có của bản thân để giải quyết các tình huống và các nhiệm vụ học tập

này sinh. Bên cạnh đó, người học đồng thời phải biết sắp xếp những hệ thống kiến thức mới trong mối liên hệ với kiến thức cũ thì kiến thức mới sẽ có những giá trị bền vững. Với quan điểm nhấn mạnh vai trò của chủ thể trong quá trình nhận thức, tiếp cận kiến tạo xem người học như là trung tâm của quá trình dạy - học. Người học phải tiến hành xây dựng kiến thức và tương tác với các bối cảnh xã hội và văn hóa. Bởi lẽ, người học sẽ có khả năng mở rộng và nâng cao sự hiểu biết của mình thông qua những việc đã quan sát, phản ánh và thử nghiệm với môi trường xung quanh.

2.3.4. Tiếp cận nhân văn

Cách tiếp cận này dựa trên cơ sở quan hệ nhân văn giữa người dạy và người học, trước hết là quan hệ giữa con người và con người; nhân cách của người thầy tác động lên nhân cách của người học. Sự nhấn mạnh vào học tập tích cực là cốt lõi của các phương pháp học mang tính nhân văn. Trong Hiến chương của Liên Hợp quốc đã nhấn mạnh xây dựng một tương lai trên cơ sở của nhân tính chung của toàn nhân loại. Tại Hội nghị Thượng đỉnh Thiên Niên kỉ năm 2000, Tổng Thư kí Liên Hợp quốc đã nhấn mạnh: “Chúng ta phải đặt con người vào trung tâm của mọi việc chúng ta làm”. Quan điểm này có mối liên hệ mật thiết với tư tưởng xây dựng một môi trường học tập hướng vào người học. Người học được coi trọng sự sáng tạo và những phẩm giá của mình.

2.4. Các lí thuyết về tiếp cận trong dạy học ngoại ngữ

2.4.1. Đặc thù của dạy học ngoại ngữ

Hoạt động dạy học ngoại ngữ có những nét đặc trưng riêng biệt, cụ thể như sau:

- Dạy học ngoại ngữ là một quá trình phức tạp bao gồm hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của người học. Hai hoạt động này luôn có mối quan hệ mật thiết với nhau.

- Dạy học ngoại ngữ là một hoạt động mang tính chất xã hội. Tính xã hội được thể hiện thông qua hoạt động học tập dưới hình thức nhà trường, có tổ chức chặt chẽ và được thực hiện có ý thức rõ ràng và tự giác.

- Dạy học ngoại ngữ là hoạt động dạy ngôn ngữ sẵn có của một dân tộc nào đó đang sử dụng.

- Dạy học ngoại ngữ được tổ chức một cách chuyên biệt với các phương pháp và tiếp cận khác nhau do giáo viên sử dụng nhằm giúp người học lĩnh hội ngoại ngữ đích một cách nhanh chóng và hiệu quả.

- Mục đích của dạy học ngoại là làm cho người học hiểu và sử dụng ngoại ngữ như một phương tiện giao tiếp và nhận thức.

2.4.2. Các tiếp cận trong dạy học ngoại ngữ

a. *Tiếp cận giao tiếp (Communicative language teaching)*

Mục tiêu của việc dạy học ngôn ngữ là phát triển năng lực giao tiếp của người học [9], [10]. Tiếp cận giao tiếp nhấn mạnh việc dạy học như thế nào và dạy nội dung gì? Việc nhấn mạnh dạy điều gì, tiếp cận giao tiếp đề cao các chức năng ngôn ngữ hơn là giảng dạy các từ vựng và ngữ pháp. Bên cạnh đó, đối với việc dạy như thế nào, tiếp cận giao tiếp coi trọng việc tạo ra các cơ hội học tập, tiếp xúc và sử dụng các ngôn ngữ trong các bối cảnh khác nhau. Mục tiêu chính của việc tiếp cận giao tiếp là phát triển năng lực giao tiếp và khả năng sử dụng ngôn ngữ của người học trong mối liên hệ giữa ngôn ngữ và giao tiếp.

b. Tiếp cận từ vựng (Lexical approach)

Tiếp cận từ vựng là một phương pháp giảng dạy học ngoại ngữ được mô tả bởi Lewis vào đầu những năm 1990. Phương pháp tiếp cận này dựa trên quan điểm rằng việc hiểu và tạo ra các cụm từ liên quan là cần thiết trong việc học ngoại ngữ. Từ vựng đóng vai trò trung tâm quan trọng trong việc dạy và học ngoại ngữ [11]. Phương pháp này lấy giáo viên làm gốc cho hoạt động giao tiếp. Bởi lẽ, giáo viên là người đầu tiên giải thích cho người học cách sử dụng các cụm từ vựng vào những mục đích và chức năng khác nhau.

Cách tiếp cận này xem người học như là người phát hiện nhằm tạo môi trường thuận lợi để giúp người học phát huy năng lực bản thân thông qua việc hình thành và sử dụng thành thạo các từ vựng, các cụm từ vựng trong bối cảnh giao tiếp. Bên cạnh đó, cách tiếp cận này không chú trọng việc áp dụng các quy tắc chính thống

trong việc kết hợp các từ vựng mà cho phép người học dựa vào khả năng phân tích và tổng hợp của bản thân.

c. Tiếp cận ngôn ngữ tự nhiên (Natural approach)

Tiếp cận ngôn ngữ tự nhiên trong việc học ngôn ngữ khuyến khích việc học ngôn ngữ một cách tự nhiên trong bối cảnh lớp học, và nhấn mạnh tầm quan trọng của giao tiếp ngôn ngữ của người học. Phương pháp học tập này nhằm tạo ra môi trường học tập thoải mái, và ít căng thẳng cho người học. Với tiếp cận tự nhiên, kết quả đầu ra của việc học ngôn ngữ không bắt buộc thông qua kiểm tra và đánh giá nhưng thể hiện qua khả năng tiếp nhận ngôn ngữ của người học.

Cách tiếp cận này sẽ mang lại những hiệu quả nhất định khi mà giáo viên chú trọng vào chủ đề các kiến thức đầu vào. Nội dung bài học chú trọng việc sử dụng các thông điệp của ngôn ngữ đích và rất ít quan tâm đến việc sửa lỗi của người học.

d. Tiếp cận dựa vào nhiệm vụ (Task-based approach)

Tiếp cận dựa vào nhiệm vụ là phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm, bắt nguồn từ phương pháp giao tiếp (Communicative approach). Những hoạt động học ngoại ngữ được thiết kế dựa vào nhu cầu sống thực tế của người học. Người học thông qua các bài giảng được thiết kế sẽ tăng khả năng sử dụng ngôn ngữ thực và chiến lược ngôn ngữ để hoàn thành các nhiệm vụ có ý nghĩa trong cuộc sống.

Tiếp cận dựa vào nhiệm vụ tập trung vào hoạt động giao tiếp và tương tác, sử dụng ngôn ngữ phù hợp vào từng thời điểm nhất định [12]. Người học không cần

Bảng 2: So sánh những điểm tích cực và hạn chế của các tiếp cận trong việc dạy học ngoại ngữ

Các tiếp cận trong việc dạy học ngoại ngữ	Tích cực	Hạn chế
Tiếp cận giao tiếp	Người học có nhiều cơ hội thực hiện các đàm thoại giao tiếp trong giờ học. Người học có cơ hội trải nghiệm các tình huống xảy ra trong cuộc sống hàng ngày thông qua các đơn vị bài học. Giáo viên chỉ là người định hướng cho người học thực hiện các đàm thoại và giao tiếp.	Người học gặp khó khăn khi kiểm soát và thực hiện các đàm thoại giao tiếp khi không có nhiều kinh nghiệm. Quá chú trọng hình thức giao tiếp gây cho người học khó khăn trong việc chuẩn bị các dữ liệu đầu vào như từ vựng và các điểm ngữ pháp.
Tiếp cận từ vựng	Người học cảm thấy có động lực tìm hiểu các tài liệu học. Người học được trang bị những kiến thức hữu ích để học tập theo từng giai đoạn trong việc học ngôn ngữ. Giáo viên không bị áp lực vì mục tiêu của khóa học được xác định rõ ràng.	Tiếp cận ngôn ngữ gặp khó khăn vì sự đa dạng các chủ đề trong cuộc sống. Sự phân biệt trình độ của người học gây ra khó khăn về nội dung giảng dạy.
Tiếp cận ngôn ngữ tự nhiên	Người học hình thành thói quen tích cực với việc tiếp nhận ngôn ngữ mới. Người học cảm thấy không áp lực khi bị đánh giá kết quả học tập. Giáo viên không áp lực về điểm số của người học.	Người học cần có những kiến thức nhất định để theo kịp nội dung bài học. Người học gặp khó khăn khi xây dựng các bài hội thoại vì thiếu những từ vựng hoặc kiến thức cần thiết.
Tiếp cận dựa vào nhiệm vụ	Người học có cơ hội trải nghiệm các nhiệm vụ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày bằng ngôn ngữ đích. Người học hình thành các kĩ năng và kĩ xảo cần thiết để giải quyết các nhiệm vụ. Người học được tự do sử dụng năng lực ngôn ngữ của bản thân để giải quyết các nhiệm vụ học tập.	Giáo viên mất nhiều thời gian để chuẩn bị các nhiệm vụ học tập. Người học sẽ cảm thấy “chán” nếu các nhiệm vụ không sống động và khác với sở thích.

theo các quy mẫu truyền thống trong hoạt động dạy và học tại lớp học. Từ những cơ sở lý thuyết của các tiếp cận, nhóm tác giả tiến hành so sánh những điểm tích cực và hạn chế để chỉ ra những lưu ý cho các giáo viên trong việc dạy học ngoại ngữ. Việc so sánh này mang nhiều ý nghĩa trong việc triển khai các hoạt động dạy học cũng như thể hiện rõ vai trò của giáo viên và người học trong các lớp học ngoại ngữ (xem Bảng 2).

3. Kết luận

Các cơ sở lý luận về tiếp cận là tiền đề vững chắc cho hoạt động dạy và học ngoại ngữ ở bậc Đại học, Cao đẳng. Việc nắm vững bản chất và ý nghĩa của các tiếp cận sẽ giúp cho quá trình dạy và học của giảng viên và

sinh viên diễn ra một cách hiệu quả nhất. Giảng viên ngoại ngữ cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng đa dạng các tiếp cận khác nhau để hỗ trợ cho người học tiếp thu ngoại ngữ theo một cách chủ động và sáng tạo. Trong các động dạy và học ngoại ngữ, giảng viên cần phải phát huy được vai trò của người học để quá trình lĩnh hội kiến thức diễn ra một cách có ý nghĩa. Bên cạnh đó, giảng viên cần chuẩn bị các nội dung và các hoạt động học tập chú trọng đến việc phát huy tinh thần học tập trong mỗi giờ học tại lớp. Vì vậy, các hướng tiếp theo của nghiên cứu có thể là việc vận dụng từng tiếp cận khác nhau trong việc dạy học các kỹ năng ngoại ngữ và biên soạn các hoạt động học ngoại ngữ phù hợp với từng tiếp cận đã được trình bày trong bài nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

- [1] Viện Ngôn ngữ học, (2003), *Từ điển tiếng Việt*.
- [2] Anthony, E. M. (1963), *Approach, method, and technique*, *ELT Journal*, 2(1), 63-67.
- [3] Hoffer, D. B. (1983), *Approach, method, technique a clarification*, *Reading World*, 23(1), 71-72.
- [4] Richards, J. C. & Rodgers, T. S. (1986), *Approaches and Methods in Language Teaching*, Cambridge: Cambridge University Press.
- [5] Richards, J. C. & Rodgers, T. S. (2001), *Approaches and Methods in Language Teaching* (p. 204), New York: Cambridge University Press.
- [6] Skinner, B. F. (1975). *The steep and thorny way to a science of behaviors*, *American Psychologist*, 30(1), 42-49.
- [7] Dewey, J. (1938), *Experience and Education*, New York: Macmillan Compan
- [8] Bloom, B.S. (1956), *Taxonomy of educational objectives, handbook the cognitive domain*, David McKay, New York.
- [9] Zhao, Y. (2022), *An analysis of communicative language teaching approach based on the international researches*, *Proceedings of the 2022 3rd International on Language, Art and Culture Exchange (ICLACA 2022)*, 673, 40-43.
- [10] Nguyen Thi Minh Hieu, Nguyen Truong Giang, Tran Tuyen, Nguyen Loc & Nguyen Dinh Nhu Ha, (2022), *The implementation of communicative language teaching in the context of online learning: A literature review*, *European Journal of English Language Teaching*, 7(3), 47-58.
- [11] Willis, D, (1990), *The lexical syllabus*, London: Collins.
- [12] Nguyen Dinh Nhu Ha, Nguyen Loc & Tran Tuyen, (2021), *Implementing task-based approach: A solution for teaching English speaking skills*, *Proceedings of the 18th International Conference of the Asia Association of Computer-Assisted Language Learning (AsiaCall-2-2021)*, 621, 8-12. Amsterdam: Atlantis Press: ISBN: 978-94-6239-496-4; ISSN: 2352 – 5398 (CPCI/ISI-index to-be). DOI: <https://dx.doi.org/10.2991/assehr.k.211224.002>.

THEORETICAL BASIS OF APPROACHES TO FOREIGN LANGUAGE TEACHING

Nguyen Dinh Nhu Ha*¹, Nguyen Loc²,
Tran Tuyen³

* Corresponding author

¹ Email: handn.ncs@hcmute.edu.vn

² Email: dr.nguyenloc@gmail.com

³ Email: ttuyenqp@gmail.com

Institute of Technical Education,

Ho Chi Minh City University of Technology and Education

484 Le Van Viet, Tang Nhon Phu A, Thu Duc city,

Hochiminh City, Vietnam

ABSTRACT: *Teaching foreign languages at the university and college level requires lecturers to pay much attention to mastering theories and teaching methods. It is important for lecturers to understand the nature of approaches to foreign language teaching and learning activities so as to more easily implement learning activities and support learners. This paper presents the concepts and theories of approaches in foreign language teaching activities with the aim to clarify their meaning and importance. In addition, some suggestions for English lecturers and future research on approaches to English teaching are also presented.*

KEYWORDS: Approach, teaching foreign languages, learning theory, higher education.